

Bản án số: **25/2017/HC-ST**

Ngày: 25-12- 2017

V/v: “*Khởi kiện quyết định hành
chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định
cư và giải quyết khiếu nại*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Thiện Kế**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Lý Thị Sầm

2/. Bà Dương Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Thúy Duy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Trí**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 10/2017/TLST-HC ngày 10 tháng 5 năm 2017 về “*Khởi kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXXST-HC ngày 27-11-2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Ông Trần Văn T, sinh năm 1962 (có mặt).

1.2 Bà Sơn Thị Ngọc H, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện: Ông **Trần Phước T**, Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh S, địa chỉ: Ấp C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1 Ủy ban nhân dân thành phố S.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S (vắng mặt).

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm D, Phường H, thành phố S, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-4-2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, những người khởi kiện ông Trần Văn T, bà Sơn Thị Ngọc H trình bày:

Ông T và bà H đang sử dụng phần đất có diện tích 160m² tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại Khóm B, Phường B, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Sóc Trăng và được Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1731 cho hộ ông Trần Văn T ngày 27-8-2004.

Ngày 28-01-2006, Ủy ban nhân dân (say đây được gọi tắt là UBND) thành phố S ban hành Quyết định số 81/QĐ-UBND thu hồi 96,9m² đất (trong đó có 45,7m² đất ở đô thị và 51,2m² đất trồng cây lâu năm) của hộ ông T để mở rộng Quốc lộ 1A và xây dựng tuyến tránh thành phố S. Đến ngày 02-02-2016, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 121/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông, bà để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1A, tỉnh Sóc Trăng.

Không đồng ý việc bồi thường ông T, bà H khiếu nại và đến ngày 20-01-2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại. Đến ngày 06-02-2017, Thanh tra thành phố S có buổi làm việc nhằm ghi nhận ý kiến của ông, bà về việc thực hiện Quyết định số 02 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S.

Ông T và bà H không đồng ý với Quyết định số 121 và Quyết định số 02 nêu trên bởi các lý do sau:

- Quyết định số 121 giá bồi thường về diện tích đất thổ cư bị thu hồi quá thấp, ông T và bà H không đồng ý với mức giá 569.900đ/m² đất thổ cư.

- Quyết định số 02 điều chỉnh diện tích thổ cư bị thu hồi từ 45,7m² lên 85,6m² là chưa đủ với diện tích thu hồi là 96,9m² vì đất của vợ chồng ông T, bà H đang sử dụng là đất thổ cư không có đất trồng cây lâu năm, cũng không điều chỉnh 11,3m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất thổ cư.

- Cả hai Quyết định số 121 và Quyết định số 02 đều không bố trí tái định cư vì phần đất còn lại sau khi bị thu hồi không đủ cho việc xây dựng.

- Cần điều chỉnh giá bồi thường về vật kiến trúc và giá đất cộng chung thêm 100.000.000 đồng mới đảm bảo quyền lợi.

- Chưa xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất còn lại do nằm trong hành lang giải tỏa đường Sóc Vồ.

Ông T và bà H yêu cầu Tòa án xem xét hủy toàn bộ các Quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 121/QĐ-UBND, ngày 02-02-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố S, về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ Trần Văn T để thực

hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 121).

- Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 20-01-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T và bà Sơn Thị Ngọc H, cư ngụ tại Khóm A, Phường B, thành phố S (lần đầu), (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 02).

Trong quá trình giải quyết vụ án những người bị kiện không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện cho rằng giá đất thổ cư bồi thường cho ông T thấp, yêu cầu bồi thường thêm 100.000.000 đồng thì ông T mới nhận chuyển nhượng được đất ở mới vì giá đất bên ngoài cao. Quyết định số 4229 về việc bồi thường thêm diện tích đất thổ cư cho ông T thì ông T, bà H chưa nhận được, do UBND thành phố S chưa triển khai. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 121 và Quyết định số 02 để giải quyết lại cho phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến nhận xét Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện là ông Trần Văn T và bà Sơn Thị Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND thành phố S và Chủ tịch UBND thành phố S vắng mặt, nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt những người bị kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện là 01 (một) năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

[3] Ngày 02-02-2016, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 121/QĐ-UBND, về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ Trần Văn T để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Ngày 05-02-2016, ông T được nhận Quyết định số 121 (bút lục số 406). Sau khi nhận Quyết định số 121, ông T và bà H không đồng ý với Quyết định số 121 nên có khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố S. Ngày 20-01-2017, Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND, về

việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T và bà Sơn Thị Ngọc H, cư ngụ tại Khóm A, Phường B, thành phố S (lần đầu). Ngày 06-02-2017, bà Sơn Thị Ngọc H (đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T) được triển khai và nhận Quyết định số 02 (Biên bản làm việc ngày 06-02-2017, bút lục số 395). Do đó, khoảng thời gian Chủ tịch UBND thành phố S thụ lý và giải quyết khiếu nại của ông T và bà H được xem như trở ngại khách quan và không tính vào thời hiệu khởi kiện. Ngày 28-02-2017, ông T và bà H nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 121 và hủy Quyết định số 02 trên là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định nêu trên.

[5] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

[6] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 121: UBND thành phố S ban hành Quyết định số 121 là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 56 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[7] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 02: Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định số 02 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

[8] Về nội dung, trình tự, thủ tục và căn cứ pháp lý:

[9] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 121/QĐ-UBND, ngày 02-02-2016, về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ Trần Văn T để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng:

[10] Về trình tự, thủ tục và căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 121:

[11] Về trình tự thủ tục, thu hồi đất:

[12] Ngày 27-12-2014, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 4983/QĐ-BGTVT, về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km 2118+600 – Km 2127+320,75 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng theo hình thức Hợp đồng BOT (bút lục số 50-55).

[13] Ngày 06-02-2015, UBND tỉnh S ban hành Quyết định số 341/QĐ-UBND, về việc ủy quyền UBND huyện C, huyện M và thành phố S quyết định thu hồi đất để thực hiện công trình mở rộng Quốc lộ 1 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng (bút lục số 56).

[14] Ngày 02-03-2015, UBND thành phố S ra Thông báo thu hồi đất số 144/TB-UBND, để thực hiện dự án xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng (bút lục số 130). Trong nội dung Thông báo thu hồi đất số 144 có nêu rõ lý do thu hồi đất, kế hoạch thu hồi đất, thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc và kiểm đếm. Thông báo này được triển khai, niêm yết tại UBND Phường B, thành phố S, tại các các điểm sinh hoạt khu dân cư và gửi cho ông Trần Văn T là người có đất bị thu hồi (bút lục số 133, 396) đúng theo khoản 1 Điều 67, điểm a khoản 1 Điều 69 Luật đất đai năm 2017 và Điều 17 Nghị định

số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai.

[15] Trước khi thu hồi đất của hộ ông T, Trung tâm Phát triển quỹ đất –Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S có yêu cầu ông T thực hiện tự kê khai thiệt hại (Bảng kê khai tài sản ngày 25-5-2015, bút lục số 70-71) và được UBND Phường B, thành phố S xác nhận ngày 27-5-2015 thuộc hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và không có nơi ở khác, có thiệt hại về nhà (tự xây dựng năm 2008). Đồng thời thực hiện việc kiểm kê thiệt hại và đo đạc phần diện tích đất bị thu hồi theo Biên bản ngày 25/4/2015, về việc kiểm kê tài sản bị thiệt hại khi thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km 2118+600 – Km 2127+320,75 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng theo hình thức Hợp đồng BOT (bút lục số 68-69), Biên bản ngày 26-8-2015 về việc kiểm tra thực tế hiện trạng nhà của ông Trần Văn T của Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S (bút lục số 74) và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25-5-2015 (bút lục số 171) được ông T thống nhất ký vào biên bản.

[16] Về diện tích thu hồi: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1731 do UBND thị xã S cấp cho hộ ông Trần Văn T ngày 27-8-2004 (bút lục số 18) thì thửa số 57, tờ bản đồ số 5 có diện tích 160,1m². Tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25-5-2015 của Trung tâm Phát triển quỹ đất –Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S (bút lục số 171) thì thửa số 6, tờ bản đồ số 2 (thửa cũ số 57, tờ bản đồ cũ số 5), tọa lạc tại Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng của hộ ông Trần Văn T có diện tích thực tế sử dụng là 170,9m² (do đã chuyển nhượng một phần diện tích 91m² (ODT= 44,4m² + LNK) cho ông Nhâm M theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16-7-2015 của Trung tâm Phát triển quỹ đất –Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S, bút lục số 172). Trong đó, diện tích nằm trong hành lang giải phóng mặt bằng (GPMB) là 96,9m², diện tích nằm ngoài hành lang GPMB là 74m² (diện tích nằm trong phạm vi lộ giới 53,4m²).

[17] Ngày 26-8-2015, các cơ quan chức năng phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành làm việc với ông Trần Văn T (Biên bản về việc kiểm tra thực tế hiện trạng nhà của ông Trần Văn T ngày 26-8-2015, bút lục số 74). Tại Biên bản về việc kiểm tra thực tế hiện trạng nhà của ông Trần Văn T ngày 26-8-2015, các cơ quan chức năng đã có giải thích rõ phần diện tích đất còn lại sau khi thu hồi là 74m². Trong đó, diện tích nằm trong hành lang lộ giới đường Sóc Vồ là 52,7m², diện tích ngoài hành lang lộ giới là 19,3m² (cạnh nhỏ nhất có kích thước 0,73m) không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở, nhưng ông T yêu cầu không thu hồi phần diện tích còn lại để ổn định chỗ ở (do không đủ tiền để mua đất khác và xây dựng nhà ở). Ông T thống nhất với nội dung Biên bản ngày 26-8-2015 và có ký tên vào biên bản.

[18] Do đó, UBND thành phố S chỉ thu hồi một phần diện tích là 96,9m², trong đó đất ở đô thị (ODT) là 45,7m² và loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK) là 51,2m² theo Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 28-01-2016, về việc thu hồi

đất Trần Văn T để thực hiện công trình mở rộng Quốc lộ 1 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng (bút lục số 10), (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 81).

[19] Ngày 04-6-2015, các cơ quan chức năng phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức họp công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km 2118+600 – Km 2127+320,75 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng theo hình thức Hợp đồng BOT; thực hiện việc niêm yết phương án tại trụ sở UBND Phường B, thành phố S, điểm sinh hoạt khu dân cư (bút lục 402-403) và ông T có tham dự và ký nhận phương án vào ngày 04-6-2015 (bút lục số 401). Nhưng do ông T chưa thống nhất với Phương án nên ngày 29-7-2015 Trung tâm phát triển quỹ đất – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S phối hợp với UBND Phường B thực hiện việc đối thoại với ông T (bút lục số 232-233).

[20] Ngày 22-5-2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố S lập Báo cáo thẩm định số 14/BC-TNMT, về việc thẩm định phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km 2118+600 – Km 2127+320,75 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng theo hình thức Hợp đồng BOT, trên địa bàn Phường B và 10 (đợt 4), (bút lục số 434-441) trước khi trình UBND thành phố S quyết định thu hồi đất là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

[21] Ngày 27-01-2016, Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định số 285/QĐHC-CTUBND về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư; Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km 2118+600 – Km 2127+320,75 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng theo hình thức Hợp đồng BOT, trên địa bàn Phường B và 10 (đợt 4), (bút lục số 93-94), (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 285).

[22] Ngày 28-01-2016, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 81/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất Trần Văn T để thực hiện công trình mở rộng Quốc lộ 1 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng, nội dung: Thu hồi một phần diện tích là 96,9m², trong đó đất ở đô thị (ODT) là 45,7m² và loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK) là 51,2m² theo (bút lục số 10).

[23] Sau khi thực hiện các thủ tục theo quy định như đã phân tích trên, ngày 02-02-2016, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 121/QĐ-UBND, về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ Trần Văn T, thì hộ ông T được bồi thường với số tiền tổng cộng là 288.615.336 đồng.

[24] Ngày 05-02-2016, các cơ quan chức năng tiến hành công khai và niêm yết Quyết định số 285 tại trụ sở UBND Phường B, thành phố S, điểm sinh hoạt chung của khu dân cư (Biên bản ngày 05-02-2016, bút lục số 404) và gửi Quyết định số 121 cho ông T (bút lục số 406) là đúng theo điểm b khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013.

[25] Ngày 21-4-2016, UBND thành phố S tiếp tục ban hành Quyết định số 616/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư (bút lục số 141-166), (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 616) thì hộ ông Trần Văn T được hỗ trợ tái định cư là 50.000.000 đồng. Căn cứ Quyết định số 616 này, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 27-5-2016 về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ Trần Văn T (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 798), (bút lục 167-168), (hỗ trợ thêm 01 suất tái định cư 50.000.000 đồng).

[26] Ông T và bà H không đồng ý với Quyết định số 121 nên có khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố S. Ngày 20-01-2017, Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T và bà Sơn Thị Ngọc H, cư ngụ Khóm A, Phường B, thành phố S (lần đầu), nội dung: Sửa đổi một phần quyết định số 81 về thu hồi diện tích 96,9m² (Trong đó đất ở đô thị (ODT) = 45,7m² và loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK) 51,2m², thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Phường B, thành phố S. Nay sửa đổi thành thu hồi diện tích 96,9m² (Trong đó đất ở đô thị (ODT) = 85,6m² và loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK) 11,3m², thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Phường B, thành phố S). Sửa đổi một phần Quyết định số 121, công nhận thêm phần đất nằm trong lộ giới là 39,9m² là đất ở và 11,3m² đất lâu năm, cho hộ ông Trần Văn T, trên tổng diện tích 51,2m² đất lâu năm đã được phê duyệt và điều chỉnh giảm các khoản hỗ trợ theo quy định. Đồng thời, bác đơn khiếu nại của ông T và bà H khiếu nại Quyết định số 121.

[27] Căn cứ Quyết định số 02, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 412A/QĐ-UBND ngày 04-4-2017, về việc điều chỉnh loại đất thu hồi từ đất trồng cây lâu năm khác (LNK) sang đất ở (ODT) của ông Trần Văn T (bút lục số 173), với nội dung: Điều chỉnh Quyết định số 81 từ thu hồi diện tích 96,9m² (trong đó ODT = 45,7m² và LNK = 51,2m²) sang thu hồi diện tích 96,9m² (trong đó ODT = 85,6m² và LNK = 11,3m²).

[28] Ngày 07-4-2017, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 4229/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án và dự toán điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bút lục 174-177). Theo đó, hộ ông T được bồi thường thêm diện tích đất ODT là 39,9m² x 569.900 đồng = 22.739.010 đồng, trừ diện tích bồi thường đất LNK là -39,9m² x 78.400 đồng = -3.128.160 đồng (tăng bồi thường về đất thêm 19.610.850 đồng); hỗ trợ chuyển đổi nghề giảm là -70.000 đồng x 39.900 đồng x 1,5 = - 4.189.500 đồng và -231.000 đồng (do nhập nhằm diện tích 51,2m² thành 53,4m², nhằm 2,2m²). Tổng giá trị bồi thường thêm là 15.190.350 đồng.

[29] Về nội dung:

[30] Về bồi thường đất: Theo Quyết định số 121 thì ông T đã được áp giá bồi thường về đất với số tiền 30.058.510 đồng (trong đó đất ở là 45,7m² x 569.900 đồng = 26.044.430 đồng; đất trồng cây lâu năm là 51,2m² x 78.400 đồng = 4.014.080 đồng). Tại Quyết định số 4229, hộ ông T được bồi thường thêm diện tích đất ODT là 39,9m² x 569.900 đồng = 22.739.010 đồng giảm diện

tích bồi thường đất LNK là $-39,9\text{m}^2 \times 78.400 \text{ đồng} = -3.128.160 \text{ đồng}$ (tăng bồi thường về đất thêm 19.610.850 đồng).

[31] Do tổng diện tích đất của ông T sau khi đo đạc là $261,9\text{m}^2$, khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $169,1\text{m}^2$ (ODT), diện tích còn lại $74,5\text{m}^2$ quy hoạch lộ giới không được cấp giấy. Trong tổng diện tích đất thực tế sử dụng $261,9\text{m}^2$, ông T đã chuyển nhượng một phần diện tích 91m^2 ($\text{ODT} = 44,4\text{m}^2 + \text{LNK} = 46,6\text{m}^2$) cho ông Ntheo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16-7-2015 của Trung tâm Phát triển quỹ đất –Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S. Đối với trường hợp này thì ông T được xem xét công nhận thêm phần diện tích đất còn lại cho đủ hạn mức loại đất ở được quy định tại thời điểm cấp giấy trước đây (200m^2 ODT) căn cứ theo khoản 1 Điều 18 Quy định trình tự thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, được ban hành kèm theo Quyết định số 139/2002/QĐ.UBNDT ngày 04-7-2002 của UBND tỉnh S và điểm a khoản 4 Điều 7 Quy định hạn mức giao đất ở, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng: công nhận diện tích đất ở: cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, được ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 19-10-2015 của UBND tỉnh S. Vì vậy, trường hợp của ông T được công nhận thêm diện tích đất nằm trong lộ giới là $39,9\text{m}^2$ đất ở cho đủ hạn mức giao đất ở lần đầu là 200m^2 . Đồng thời, phần diện tích đất công nhận thêm cho ông T đã được giải quyết tại Quyết định số 02 nên ông T, bà H yêu cầu bồi thường phần diện tích $11,3\text{m}^2$ LNK đất còn lại theo giá đất ODT là không có cơ sở chấp nhận.

[32] Mặt khác, mức giá 569.900 đồng/m^2 đối với đất ở và mức giá 78.400 đồng/m^2 đối với đất cây lâu năm nêu trên đã được cơ quan tư vấn có thẩm quyền thẩm định xác định giá đất, cao hơn giá UBND tỉnh S quy định tại Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 31-12-2014 về việc ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (400.000 đồng/m^2 đối với đất ở và 70.000 đồng/m^2 đối với đất cây lâu năm) là đúng với các quy định tại các điều 74, 75, 77, 79 và 115 của Luật đất đai năm 2013, Quyết định số 1171/QĐ-UBND, ngày 26-5-2015 của UBND tỉnh S, về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 2118+600 – Km 2127+320,75 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng theo hình thức hợp đồng BOT. Do đó, ông T, bà H yêu cầu áp giá cao hơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[33] Về bồi thường cây trồng: Theo Quyết định số 121 thì ông T được bồi thường với số tiền 204.000 đồng đúng theo Điều 90 Luật đất đai năm 2013, Quyết định số 49/2009/QĐ-UBND ngày 25-12-2009 của UBND tỉnh S về việc ban hành Quy định về mật độ và đơn giá bồi thường, cây trồng, hoa màu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

[34] Về bồi thường nhà ở và vật kiến trúc: Theo Quyết định số 121 thì ông T được bồi thường với số tiền 248.045.826 đồng là đúng theo quy định tại Điều

89 Luật đất đai năm 2013, Quyết định số 595/QĐHC-UBND, ngày 20-6-2012 của Chủ tịch UBND tỉnh S về việc ban hành Bảng giá chuẩn $1m^2$ nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

[35] Về bồi thường chi phí di chuyển: Theo Quyết định số 121 ông T được bồi thường là 5.400.000 đồng đúng theo Điều 91 của Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 13 Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, được ban hành kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31-12-2014 của UBND tỉnh S.

[36] Về chính sách hỗ trợ:

[37] Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp: Theo Quyết định số 121 thì ông T được hỗ trợ với số tiền là $53,4m^2 \times 70.000 \text{ đồng}/m^2 \times 1,5 = 5.607.000$ đồng. Tại Quyết định số 4229 ông T bị giảm mức hỗ trợ là: $-70.000 \text{ đồng} \times 39,9m^2 \times 1,5 = -4.189.500$ đồng (do tăng $39,9m^2$ ODT nên giảm diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ so với Quyết định số 121) và -231.000 đồng (do nhập nhằm diện tích $51,2m^2$ thành $53,4m^2$, nhằm $2,2m^2$) là đúng theo quy định tại các điều 83 và 84 của Luật đất đai năm 2013; Điều 16 Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, được ban hành kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31-12-2014 của UBND tỉnh S.

[38] Về việc tái định cư: Theo Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 21-4-2016 của UBND thành phố S, về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư và Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 27-5-2016 về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ Trần Văn T thì hộ ông Trần Văn T được hỗ trợ 01 suất tái định cư là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T, bà H không khởi kiện Quyết định số 616 và Quyết định số 798 trên. Hơn nữa, ông T cũng đồng ý nhận số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 08-3-2016 (bút lục số 77), ông T không có ý kiến gì đối với việc nhận tiền tái định cư nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của ông T và bà H.

[39] Về hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng hạn: Theo Quyết định số 121 thì ông T được hỗ trợ là 2.000.000 đồng đúng theo khoản 2 Điều 21 Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, được ban hành kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31-12-2014 của UBND tỉnh S.

[40] Từ đó, trình tự thủ tục và nội dung của Quyết định số 121/QĐ-UBND, ngày 02-02-2016, về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ Trần Văn T để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng là đúng quy định của pháp luật.

[41] Đối với Quyết định số 02:

[42] Về trình tự, thủ tục:

[43] Ngày 21-9-2016, ông Trần Văn T có đơn yêu cầu về việc mức giá bồi thường giải phóng mặt bằng gửi đến Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng. Ngày 11-10-2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng có Công văn số 174/TTPTQĐ-PTQĐ, về việc trả lời yêu cầu của ông Trần Văn T (bút lục số 169) không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T.

[44] Ngày 02-11-2016, ông Trần Văn T và bà Sơn Thị Ngọc H có Đơn khiếu nại không đồng ý với số tiền bồi thường 288.615.336 đồng tại Quyết định số 121, yêu cầu bồi thường thêm số tiền 100.000.000 đồng vì trước đây ông T xây dựng nhà hết trên 10 lượng vàng (bút lục số 33).

[45] Theo Biên bản làm việc ngày 22-11-2016 (bút lục số 45), Đoàn xác minh Thanh tra thành phố S tiến hành làm việc với bà H (đại diện theo ủy quyền của ông T), bà H trình bày gia đình bà yêu cầu được bồi thường thêm 100.000.000 đồng, với lý do gia đình bà tích góp để mua nhà với số tiền gần 15 lượng vàng và chi phí đầu tư vào đất.

[46] Ngày 03-11-2016, Chủ tịch UBND thành phố S ra Thông báo số 130/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại của ông Trần Văn T (bút lục số 32) và ngày 03-11-2016 ra Quyết định về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại số 34/QĐ-UBND cho Thanh tra thành phố S (bút lục số 35). Ngày 07-11-2016, Chánh Thanh tra thành phố S ra Quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại số 28/QĐ-TTr (bút lục số 36) là đúng theo quy định tại các điều 27 và 29 của Luật khiếu nại năm 2011. Theo Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 89/BC-TTr ngày 07-12-2016 của Thanh tra thành phố S thì yêu cầu của ông T và bà H là không có cơ sở chấp nhận, kiến nghị sửa đổi một phần Quyết định số 81 và Quyết định số 121 (bút lục số 40-42). Trong quá trình xem xét, giải quyết khiếu nại Thanh tra thành phố S có tiến hành đối thoại với người khiếu nại và lập Biên bản đối thoại ngày 14-12-2016 (bút lục số 46-47) là đúng quy định tại Điều 30 của Luật khiếu nại năm 2011. Chủ tịch UBND thành phố S sau khi xem xét kiến nghị của Thanh tra thành phố S và ban hành Quyết định số 02 nêu trên với nội dung: Sửa đổi một phần quyết định số 81 và Quyết định số 121; bác đơn khiếu nại của ông T và bà H khiếu nại Quyết định số 121 như đã phân tích ở trên là đúng trình tự, thủ tục và nội dung theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

[47] Đối với yêu cầu điều chỉnh phần diện tích đất còn lại của hộ ông T sau khi thu hồi đất thì xét thấy mặt sau của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1731 do Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) cấp cho hộ ông Trần Văn T ngày 27-8-2004 đã được điều chỉnh phần diện tích đất còn lại sau khi có quyết định thu hồi đất. Trường hợp, ông T, bà H có yêu cầu điều chỉnh lại, cấp giấy mới thì ông, bà có thể liên hệ cơ quan có thẩm quyền xem xét theo quy định.

[48] Tại phiên tòa, những người khởi kiện trình bày chưa được triển khai và nhận Quyết định số 4229, nên đề nghị ông T và bà H liên hệ UBND thành phố S để nhận Quyết định số 4229 và nhận tiền bồi thường tăng thêm do nâng mức bồi thường đất thổ cư lên 39,9m² theo quy định.

[49] Từ những nhận định, phân tích trên, xét thấy Quyết định số 121 và Quyết định số 02 được ban hành đúng trình tự, thủ tục và nội dung theo quy định của pháp luật. Như vậy, toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T và bà Sơn Thị Ngọc H về việc hủy Quyết định số 121/QĐ-UBND, ngày 02-02-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố S, về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ Trần Văn T để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 20-01-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T và bà Sơn Thị Ngọc H, cư ngụ tại Khóm B, Phường B, thành phố S (lần đầu) là không có căn cứ để chấp nhận.

[50] Do đó, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H là không có cơ sở chấp nhận; đề nghị Kiểm sát viên về việc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H là có căn cứ chấp nhận.

[51] Về án phí: Do yêu cầu của những người khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, nên những người khởi kiện phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007655 ngày 03-5-2017, ông T, bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính. Áp dụng Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện là ông Trần Văn T, bà Sơn Thị Ngọc H về việc hủy Quyết định số 121/QĐ-UBND, ngày 02-02-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố S, về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ Trần Văn T để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 và xây dựng tuyến tránh thành phố S của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 20-01-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T và bà Sơn Thị Ngọc H, cư ngụ tại A, Phường B, thành phố S (lần đầu).

2/. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Văn T và bà Sơn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà

ông T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007655 ngày 03-5-2017, ông T, bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án này hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND tỉnh S;
- Lưu (Hồ sơ VA, Tòa HC).

Đã ký

Mai Thiện Kế